

gặp khó khăn về biên chế, nhân sự có chuyên môn quản lý và nguồn kinh phí bố trí cho quỹ rất hạn chế dẫn đến quỹ hoạt động không hiệu quả.

Phương án 2: sửa đổi quy định theo hướng mở để các bộ, ngành, địa phương tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ phát triển KH&CN.

Đối với nội dung này, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được 25 ý kiến góp ý cho nội dung Quỹ phát triển KH&CN của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong đó: 13 ý kiến chọn Phương án 1, bỏ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương; 08 ý kiến chọn Phương án 2, giữ quy định Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương và đề nghị sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tiễn. 04 ý kiến khác của Bộ Tài chính, UBND tỉnh Lạng Sơn, UBND tỉnh Thanh Hóa, Tòa án nhân dân Tối cao đề nghị nghiên cứu, khảo sát thực tiễn để chọn phương án phù hợp nhất. Trên cơ sở tổng kết tình hình thực tiễn, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2 để các bộ, ngành, địa phương có thể lựa chọn thành lập quỹ hoặc không phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tiễn. Đối với các quỹ đã thành lập mà các bộ, ngành, địa phương không muốn duy trì hoạt động, tại Nghị định của Chính phủ sẽ quy định về việc giải thể quỹ.

- Đối với Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp: sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ. - Để đáp ứng đúng mục tiêu và phát huy hiệu quả của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia hỗ trợ cho doanh nghiệp thực hiện hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ và ĐMST; đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tại Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 theo hướng: giao Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia để tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Quỹ đặc biệt nội dung hỗ trợ vốn quy định tại điểm d khoản 2 Điều 38 Luật Chuyển giao công nghệ, Quỹ gặp khó khăn về nguồn vốn nên cần được cấp kinh phí sự nghiệp KH&CN bổ sung hàng năm để thực hiện chức năng hỗ trợ vốn hiệu quả, kịp thời hỗ trợ cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

e) Làm rõ các ưu đãi đối với doanh nghiệp trong các Luật thuế hiện hành để quy định các nội dung cụ thể, khả thi, phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp được hưởng các chính sách thuế đã có trong pháp luật về thuế.

Rà soát, đề xuất chính sách ưu đãi cho một số chủ thể, hoạt động để làm cơ sở đề xuất trong các luật thuế, đầu tư, tài chính.

#### 5.4. Đánh giá tác động các phương án đề xuất

5.4.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng quy định tại Luật KH&CN 2013.

5.4.1.a. Tác động kinh tế - xã hội:

##### Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: khó khăn trong bố trí kịp thời, hiệu quả NSNN dành cho



KH,CN&ĐMST do quy trình, thủ tục trong các văn bản quy phạm pháp luật chưa phù hợp với nhau và chưa phù hợp với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp: phương án không giải quyết được khó khăn khi tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và dự án ĐMST sử dụng NSNN.

#### Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: phương án không có tác động tích cực đối với Nhà nước do các quy định còn phức tạp, chưa thuận lợi để thu hút đầu tư từ xã hội cho KH,CN&ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án không có tác động tích cực thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST đối với tổ chức, cá nhân, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

5.4.1.b. Tác động TTHC: phương án không làm phát sinh TTHC.

5.4.1.c. Tác động về giới: chính sách không làm ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

5.4.1.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không làm ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

5.4.1.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án không làm thay đổi hệ thống pháp luật.

5.4.1.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5.4.2. Phương án 2: sửa đổi, bổ sung các nội dung theo phương án tại mục 5.3.2.

5.4.2.a. Tác động kinh tế - xã hội:

#### Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: triển khai phương án này, Nhà nước cần nguồn lực để nghiên cứu, hoàn thiện đồng bộ pháp luật về KH,CN&ĐMST với pháp luật NSNN, đầu tư công, thuế để đổi mới cơ chế đầu tư, tài chính cho KH,CN&ĐMST và việc này cần nhiều thời gian để triển khai thực hiện, tuyên truyền, phổ biến sau khi văn bản được ban hành để các cơ quan nhà nước, tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học hiểu và triển khai thống nhất.

Đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án không có tác động tiêu cực đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.



### Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: phương án này sẽ hoàn thiện quy định về đầu tư và tài chính phù hợp hơn với đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, giúp nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN cho KH,CN&ĐMST. Đồng thời, phương án cũng có các quy định để thu hút kinh phí đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST; bổ sung các ưu đãi, tạo động lực cho tổ chức, cá nhân quan tâm, đầu tư và tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST.

Đối với tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án tạo điều kiện cho tổ chức, người dân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ĐMST. Tạo điều kiện thuận lợi về quy trình, thủ tục cho doanh nghiệp khi tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST cả trong trường hợp tham gia thực hiện, hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện hoặc đầu tư kinh phí vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, ứng dụng, đổi mới công nghệ; sử dụng hiệu quả quỹ phát triển KH&CN quốc gia, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.

5.4.2.b. Tác động TTHC: phương án không làm phát sinh TTHC.

5.4.2.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

5.4.2.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án có tác động khuyến khích công dân tham gia, đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

5.4.2.d. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án giúp hoàn thiện các quy định về đầu tư và tài chính cho KH,CN&ĐMST phù hợp với thực tiễn và đặc thù của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST do quy định hiện tại ở Luật KH&CN 2013 đã được ban hành trên 10 năm và nhiều quy định không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của KH&CN với sự xuất hiện của yếu tố ĐMST.

5.4.2.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### *5.5. Kiến nghị lựa chọn phương án*

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Phương án 2 là phương án mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về đầu tư, tài chính cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.



## **6. Chính sách 6: Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### *6.1. Vấn đề bất cập*

Chính sách phát triển hạ tầng KH&CN được quy định từ Điều 66 đến Điều 68 Luật KH&CN năm 2013. Theo đó, hạ tầng KH&CN được Nhà nước có chính sách đầu tư đồng bộ hoặc khuyến khích đầu tư, bao gồm: cơ sở vật chất - kỹ thuật của cơ sở nghiên cứu KH&CN quốc gia; khuyến khích, hỗ trợ xây dựng trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiên bộ KH&CN, khu công nghệ cao, công viên công nghệ; trung tâm nghiên cứu trong cơ sở giáo dục đại học để gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, ứng dụng, triển khai, thương mại hóa công nghệ mới; cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức KH&CN quan trọng; phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế; cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.

Thực hiện Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến nay có 53/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã phê duyệt đầu tư 167 dự án, trong đó, 88 dự án đầu tư xây dựng mới trụ sở, nhà xưởng, phòng thí nghiệm, trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật; 25 dự án nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc, khu, trạm thực nghiệm; 54 dự án tăng cường trang thiết bị, máy móc với tổng kinh phí được phê duyệt 3.956,51 tỷ đồng.

Thông tin, thống kê KH&CN đã và đang được nhìn nhận là một trong những yếu tố hàng đầu phục vụ phát triển kinh tế tri thức. Trong điều kiện cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra với quy mô rộng lớn, KH&CN ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội thì thông tin KH&CN đang trở thành nguồn lực quan trọng không thể thiếu trong xã hội hiện đại.

Hiện nay, việc đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định tại Điều 39 Luật KH&CN năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành<sup>8</sup>. Từ ngày 01/01/2014 (ngày Luật KH&CN 2013 có hiệu lực thi hành) đến tháng 02/2024, việc cập nhật dữ liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm thông tin của: 54.546 nhiệm vụ KH&CN (trong đó có 7.416 nhiệm vụ đang tiến hành; 40.982 nhiệm vụ đã được công nhận kết quả thực hiện; 6.148 nhiệm vụ được báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện); cơ sở dữ liệu công bố KH&CN Việt Nam với 343.270 công bố tiếng Việt, 63.867 công bố tiếng Anh; cơ sở dữ liệu thông tin tài liệu tham khảo gồm 179.029 đầu mục; cơ sở dữ liệu tổ chức KH&CN của 2.521 tổ chức và cơ sở dữ liệu cán bộ nghiên cứu và phát triển công nghệ của 21.313 cán bộ<sup>9</sup>.

Tuy nhiên, trên thực tiễn đã xuất hiện các bất cập sau:

<sup>8</sup> Nghị định số 11/2014/NĐ-CP về hoạt động thông tin KH&CN ngày 18/02/2014 của Chính phủ; Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN; Thông tư số 11/2023/TT-BKH&CN ngày 26/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11/6/2014 và Thông tư 10/2017/TT-BKH&CN.

<sup>9</sup> Nguồn: Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN.



- Hạ tầng KH,CN&ĐMST lạc hậu, chậm được đầu tư. Chưa có nhiều chủ thể ngoài Nhà nước đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ KH,CN&ĐMST. Chưa có quy định về phòng thí nghiệm của ngành, lĩnh vực, viện nghiên cứu, trường đại học, phòng thí nghiệm do tổ chức, cá nhân đầu tư....

- Việc nộp thông tin về kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN của các bộ, ngành, địa phương chưa đầy đủ, chưa đúng quy định. Thông tin KH,CN&ĐMST bị lạc hậu so với thế giới, không được quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả. Cơ sở dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin còn chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu khai thác, sử dụng, quản lý, bảo vệ thông tin. Chưa có giải pháp đối với vấn đề thông tin giả mạo, thông tin sai lệch có chủ đích gây định hướng xấu trong dư luận trong lĩnh vực KH&CN.

- Luật KH&CN 2013 mới chỉ quy định mang tính liệt kê và định hướng chung về đầu tư xây dựng hạ tầng cho KH&CN từ NSNN và hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và thống kê về KH&CN, chưa có các cơ chế:

+ Thúc đẩy đầu tư nâng cao tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST từ nguồn kinh phí ngoài NSNN.

+ Hỗ trợ cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tổ chức cung cấp thiết bị dùng chung cho các nhóm khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa KNST và trung tâm ĐMST do tổ chức, cá nhân đầu tư hoặc cơ chế kết hợp các tổ chức, cơ sở này với mạng lưới các trung tâm ĐMST quốc gia, bộ, ngành, địa phương.

+ Chưa có quy định về cơ sở dữ liệu mở (Open Data) phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST.

+ Chưa có quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận, khai thác hiệu quả hạ tầng kỹ thuật để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

+ Nhiều chỉ tiêu thống kê chưa được điều tra cập nhật hoặc chưa theo thông lệ quốc tế.

- Chưa có quy định quy trình, thủ tục, nguồn kinh phí để Nhà nước mua thông tin sáng chế, các kết quả KH&CN ở trong nước, quốc tế để cung cấp miễn phí cho các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ.

- Vấn đề thông tin giả mạo, thông tin sai lệch có chủ đích gây định hướng xấu trong dư luận trong lĩnh vực KH&CN. Đây là vấn đề được Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) xác định là một trong 10 thách thức nguy cơ trong hiện tại và 10 năm tới mà các Chính phủ cần nhận diện và có giải pháp ứng phó.

#### Hậu quả của bất cập:

Đối với Nhà nước:

- Cản trở phát triển kinh tế do thiếu sự lan tỏa về tri thức khoa học dẫn đến chậm trễ ứng dụng công nghệ mới. Hạn chế trong việc chia sẻ kết quả nghiên cứu



khoa học tạo ra rào cản trong nghiên cứu khoa học khiến cho Nhà nước gặp khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng từ ứng dụng các kết quả nghiên cứu đó.

- Không có đủ thông tin, cơ sở dữ liệu về KH&CN không được cập nhật đầy đủ, kịp thời. Công tác thống kê KH&CN chưa phục vụ hiệu quả cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Thông tin KH,CN&ĐMST bị lạc hậu so với thế giới, không được quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả. Không có cơ chế thúc đẩy đầu tư nâng cao tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST từ nguồn kinh phí ngoài NSNN.

- Yếu thế tại các diễn đàn về khoa học mở trong các thiết chế đa phương và trên trường quốc tế.

Đối với cộng đồng nghiên cứu:

- Các ý tưởng nghiên cứu có thể bị trùng lặp dẫn đến lãng phí nguồn lực.

- Khó khăn trong việc tìm kiếm tư liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Đối với người dân:

- Khó khăn trong việc tiếp cận những tiến bộ khoa học mới, đặc biệt là khi thông tin được trình bày bằng ngôn ngữ chuyên ngành khó hiểu.

- Hạn chế trong việc chia sẻ thông tin trong cộng đồng nghiên cứu có thể tạo ra tình trạng tranh cãi và tin đồn, ảnh hưởng đến sự tin tưởng của người dân vào kiến thức khoa học. Nếu không có sự minh bạch và độ tin cậy trong công bố kết quả nghiên cứu, người dân có thể mất lòng tin vào quy trình cũng như kết quả nghiên cứu khoa học.

- Hạn chế trong việc nuôi dưỡng niềm đam mê khám phá khoa học của giới trẻ nói riêng và của cộng đồng nói chung.

Đối với doanh nghiệp: giảm khả năng cạnh tranh do hạn chế được tiếp cận với các thành tựu nghiên cứu KH&CN mới; không có động lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động KH,CN&ĐMST.

Nguyên nhân của vấn đề bất cập:

- Nhận thức của công chúng về KH&CN còn hạn chế, tri thức về KH&CN chưa được phổ biến rộng rãi đến người dân.

- Việc chia sẻ thông tin giữa các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp còn hạn chế.

- Cá nhân hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST độc lập gặp khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn thông tin, tri thức về KH&CN và chia sẻ những kết quả nghiên cứu của họ đến công chúng.

- Kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng thông tin KH&CN còn hạn chế. Thông tin nằm phân tán mà chưa được tập trung thành dữ liệu lớn. Chưa số hóa thông tin KH&CN. Công cụ khai thác, tìm kiếm thông tin chậm được đầu tư, cập nhật.



- Một số cơ quan chưa thực hiện nghiêm túc trong việc cung cấp thông tin nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành; chưa thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc thực hiện đăng ký kết quả không đúng phân cấp theo quy định.

## 6.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST.

- Huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

- Tăng cường đầu tư cho việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin. Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng, quản lý và chia sẻ dữ liệu thông tin KH,CN&ĐMST.

- Cập nhật các đối tượng, bổ sung các cơ chế chính sách để huy động nguồn lực ngoài NSNN đầu tư phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

## 6.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

6.3.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng quy định tại Luật KH&CN 2013, tức là không cập nhật các đối tượng mới của hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST.

6.3.2. Phương án 2: bổ sung, cập nhật các thành tố của hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST; hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn tiếp cận với cơ sở hỗ trợ KNST; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian của thị trường KH&CN tăng cường kết nối cung cầu công nghệ.

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ KNST.

- Bổ sung quy định về việc khuyến khích đầu tư, phát triển các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, phòng thí nghiệm trọng điểm ngành, lĩnh vực, địa phương, phòng thí nghiệm của tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ,...

- Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu mở để các nhà khoa học có thể cập nhật, chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu.

- Có chính sách sử dụng chung hạ tầng KH&CN, cho phép các tổ chức cá nhân có đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu đăng ký sử dụng để tránh lãng phí đầu tư, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ KH&CN được tiếp cận với hạ tầng KH&CN trong nghiên cứu.



- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế. Bổ sung các quy định về chuyển đổi số trong KH,CN&ĐMST.

- Bổ sung vấn đề kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, thông tin giả mạo trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là trong thời kỳ bùng nổ trí tuệ nhân tạo (AI) như hiện nay.

#### 6.4. Đánh giá tác động các phương án đề xuất

6.4.1. Phương án 1: giữ nguyên quy định tại Luật KH&CN 2013.

6.4.1.a. Tác động kinh tế - xã hội:

- Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: không tạo được môi trường thuận lợi cho đầu tư, phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Không huy động được nguồn đầu tư ngoài NSNN cho KH,CN&ĐMST.

Đối với người dân: khó khăn trong việc tiếp cận, sử dụng hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động KH,CN&ĐMST.

Đối với doanh nghiệp: chi phí hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu cao do không được tiếp cận, sử dụng cơ sở vật chất do Nhà nước đầu tư phục vụ nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm.

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: phương án không có tác động tích cực đối với Nhà nước.

Đối với người dân: phương án không có tác động tích cực đối với người dân.

Đối với doanh nghiệp: phương án không có tác động tích cực đối với doanh nghiệp.

6.4.1.b. Tác động TTHC: phương án này không làm phát sinh TTHC.

6.4.1.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

6.4.1.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

6.4.1.e. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật.

6.4.1.g. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

6.4.2. Phương án 2: sửa đổi các quy định về hạ tầng kỹ thuật cho KH&CN hiện tại để mở rộng các đối tượng sử dụng, thụ hưởng và có chính sách thu hút



nguồn lực đầu tư từ xã hội phát triển hạ tầng kỹ thuật cho KH,CN&ĐMST theo phương án nêu tại mục 6.3.2.

#### 6.4.2.a. Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: các cơ quan quản lý nhà nước sẽ cần bổ sung kinh phí để đầu tư, nâng cao hạ tầng kỹ thuật phục vụ KH,CN&ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân: phương án không có tác động tiêu cực đối với tổ chức, cá nhân.

Đối với doanh nghiệp: phương án không có tác động tiêu cực đối với doanh nghiệp.

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: chính sách theo phương án này sẽ mở rộng phạm vi, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư được khai thác, sử dụng hiệu quả. Điều này cũng góp phần công khai, minh bạch hóa các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng cho mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST.

Đối với tổ chức, cá nhân: được khai thác hạ tầng kỹ thuật do Nhà nước đầu tư để nghiên cứu, hoàn thiện sản phẩm, góp phần thúc đẩy và lan tỏa văn hóa KNST.

Đối với doanh nghiệp: có điều kiện thuận lợi trong khai thác hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoàn thiện sản phẩm, kết nối sản phẩm với thị trường. Được khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ KH,CN&ĐMST.

#### 6.4.2.b. Tác động TTHC: phương án không làm phát sinh TTHC.

6.4.2.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

6.4.2.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án bảo đảm cho công dân thực hiện quyền nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hoạt động ĐMST.

6.4.2.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: sau khi Luật KH&CN (sửa đổi) được ban hành, cần nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan trong pháp luật chuyên ngành cho phù hợp.

6.4.2.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

#### 6.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2, vì đây là phương án mang lại lợi ích nhiều hơn chi phí so với Phương án 1, cụ thể như sau: bao trùm được toàn bộ các đối tượng liên quan đến hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động



nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, tạo điều kiện thuận lợi cho cả nhà nước, người dân và doanh nghiệp trong tiếp cận khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất kỹ thuật được đầu tư từ NSNN và khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật từ nguồn kinh phí ngoài NSNN, mở rộng phạm vi, đối tượng và thu đầu tư ngoài xã hội cho KH,CN&ĐMST. Lựa chọn phương án này Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất Quốc hội thông qua chính sách để góp phần khắc phục hạn chế, thúc đẩy phát triển hạ tầng KH,CN&ĐMST.

## **7. Chính sách 7: Thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và phát triển thị trường khoa học và công nghệ**

### *7.1. Vấn đề bất cập*

#### **7.1.1. Về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp**

- Tính đến hết năm 2023, cả nước đã cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN cho 816 doanh nghiệp, tăng 104 doanh nghiệp. Doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận có kết quả KH&CN thuộc hầu hết các lĩnh vực công nghệ được khuyến khích phát triển, trong đó chủ yếu: công nghệ sinh học (39,9%), công nghệ tự động hóa (25,5%), công nghệ thông tin (17%), vật liệu mới (10%). Số lượng doanh nghiệp KH&CN ít, quy mô vốn và nhân lực tương đối nhỏ, chưa có đóng góp nhiều trong việc đưa kết quả nghiên cứu thành sản phẩm, hàng hóa có giá trị gia tăng.

- Chưa có các quy định, tiêu chí xác định hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp để làm cơ sở cho các biện pháp phát triển, thúc đẩy ứng dụng, đổi mới công nghệ gắn với nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Về chính sách thuế, ưu đãi tín dụng, hiện nay, việc thực hiện ưu đãi thuế đối với hoạt động KH&CN đã được quy định trong Luật KH&CN 2013 chưa được triển khai đầy đủ do một số nội dung chưa phù hợp với quy định trong các luật về thuế. Việc ưu đãi thuế trong thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vẫn còn khó khăn, rất ít tổ chức, cá nhân được hưởng các ưu đãi này do các quy định còn chung chung, chưa có những cơ chế cụ thể, đồng bộ với quy định về tài chính.

- Một số chính sách ưu đãi hỗ trợ của Nhà nước còn chưa tác động được tới doanh nghiệp như: chính sách ưu tiên sử dụng các trang thiết bị phục vụ trong phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia; hưởng ưu đãi về giá cho thuê đất tại các khu công nghiệp/khu chế xuất/khu kinh tế,... do còn thiếu văn bản, quy định hướng dẫn chi tiết của các cơ quan liên quan nên việc đưa các chính sách ưu đãi này vào thực tiễn còn gặp khó khăn.

- Các công cụ thúc đẩy mới chỉ tập trung vào NSNN hỗ trợ trực tiếp thông qua nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN để nâng cao năng lực của tổ chức KH&CN công lập, các công cụ hỗ trợ gián tiếp trên diện rộng còn ít, chưa hiệu quả, đặc biệt chưa phù hợp với doanh nghiệp.



- Chưa có các cơ chế ưu đãi, chính sách phù hợp và đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp thực hiện ĐMST. Chưa có quy định hỗ trợ mạnh mẽ cho khối doanh nghiệp nhỏ và vừa để tạo động lực tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST (do các doanh nghiệp này thiếu vốn, thiếu thông tin công nghệ, thiếu nhân lực... đồng thời việc đưa công nghệ vào sản xuất kinh doanh trải qua nhiều giai đoạn, có rủi ro và cần đầu tư, sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau).

- Chưa có quy định khái niệm về khởi nghiệp sáng tạo (KNST), hệ sinh thái KNST, doanh nghiệp KNST.

### 7.1.2 Về phát triển thị trường KH&CN

- Hiện tại, cả nước có trên 800 tổ chức trung gian các loại đã được hình thành hoạt động bao gồm các sàn giao dịch công nghệ tại các địa phương; 63 trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm thông tin KH&CN; 04 khu công nghệ cao; 08 công viên phần mềm; 186 tổ chức cung cấp dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; 01 tổ chức giám định sở hữu công nghiệp; khoảng 240 tổ chức thẩm định giá, 30 cơ sở ươm tạo công nghệ; 23 tổ chức thúc đẩy kinh doanh; 170 không gian làm việc chung, 50 trung tâm chuyển giao công nghệ thuộc các viện nghiên cứu, trường đại học và các loại hình tổ chức khác (hiệp hội, doanh nghiệp có đăng ký ngành nghề liên quan đến tư vấn, môi giới chuyển giao công nghệ), 01 sàn giao dịch công nghệ vùng Duyên hải Bắc Bộ kết nối 05 sàn giao dịch trong khu vực gồm: Quảng Ninh, Hải Phòng Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, 01 sàn giao dịch vùng Đồng bằng sông Cửu Long dự kiến kết nối các sàn giao dịch công nghệ trong khu vực như Cần Thơ, Tiền Giang, An Giang. Tuy nhiên, vấn đề liên quan tới bên cầu (năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp) và bên cung công nghệ (năng lực cung cấp công nghệ của viện, trường) đều còn nhiều hạn chế.

- Chưa có cơ chế, chính sách đầy đủ để thúc đẩy các nhà khoa học, nhà sáng chế chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ. Các chính sách hỗ trợ các bên trung gian của thị trường KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên gia và công nghệ, sàn giao dịch công nghệ ảo và thực,... dù đã có quy định nhưng thực tiễn chưa được triển khai cụ thể và hiệu quả.

- Chưa xây dựng được các liên kết với thị trường quốc tế, phục vụ thương mại hóa công nghệ trong nước và nâng cao hiệu quả việc tiếp thu, làm chủ công nghệ cao, công nghệ lõi, thân thiện môi trường từ các nước phát triển.

- Vai trò của các tổ chức trung gian, tổ chức thúc đẩy ĐMST còn yếu (đặc biệt thiếu vắng cả về số lượng và chất lượng của các trung tâm cấp phép li xăng - TLO hay trung tâm chuyển giao công nghệ - TTO của các viện nghiên cứu, trường đại học - định chế trung gian mà hầu hết các nước phát triển đang áp dụng nhằm chuyển giao kết quả nghiên cứu, sáng chế công nghệ từ viện nghiên cứu, trường đại học đến doanh nghiệp) và chưa khẳng định được vai trò kết nối, thẩm định giá làm cơ sở thúc đẩy các hoạt động giao dịch.

Quy định về quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xác định tác giả kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển



công nghệ, quy định giao quyền cho tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ sáng chế là kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN chưa phù hợp đối với đặc thù của từng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

#### Hậu quả của bất cập:

- Đối với Nhà nước: không thu hút được doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, đầu tư ứng dụng, đổi mới công nghệ. Ảnh hưởng tới phát triển kinh tế do thiếu cơ chế thúc đẩy thị trường KH&CN và thương mại hóa các kết quả KH&CN. Nền kinh tế thiếu tính cạnh tranh do các chủ thể tham gia không được tiếp cận nguồn tri thức, công nghệ được tạo ra.

- Thiếu các chính sách cụ thể và khả thi để thu hút doanh nghiệp đầu tư cho ứng dụng, đổi mới và phát triển công nghệ.

- Chính sách KH&CN hiện tại mới tập trung vào khu vực viện nghiên cứu, trường đại học và công cụ hỗ trợ chủ yếu thông qua thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Công cụ chính sách này không phù hợp và thuận lợi cho doanh nghiệp. Luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực cho thương mại hóa sáng chế, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ.

- Đối với người dân: không thu hút được sự quan tâm, đầu tư của người dân cho KNST.

- Cán bộ nghiên cứu ở viện nghiên cứu, trường đại học gặp khó khăn trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Đối với doanh nghiệp: giảm khả năng cạnh tranh do hạn chế được tiếp cận với các thành tựu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

- Đối với tổ chức trung gian: khó tiếp cận khách hàng: viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; thiếu cơ hội để phát triển, nâng cao năng lực.

#### Nguyên nhân của vấn đề bất cập:

Luật ra đời năm 2013 khi hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp chưa phát triển mạnh mẽ; thị trường KH&CN chưa phát triển. Luật chưa có quy định cụ thể về cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo động lực cho thương mại hóa sáng chế, đẩy mạnh cung - cầu công nghệ.

#### *7.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề*

- Thể chế hóa chủ trương của Đảng về việc nâng cao năng lực của doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia.

- Làm rõ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp để có cơ chế, chính sách khuyến khích, thúc đẩy.

- Thúc đẩy chuyển giao kết quả nghiên cứu, sáng chế ứng dụng, đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, góp phần giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.



- Hoàn thiện hành lang pháp lý về thị trường KH&CN và các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN.

- Đánh giá xác thực bức tranh tổng thể hệ sinh thái KNST ở Việt Nam để có các điều chỉnh can thiệp chính sách ngắn hạn và trong dài hạn, để nó thực sự hấp dẫn hơn, có tính cạnh tranh hơn, năng động hơn, giàu sinh lực hơn mới hy vọng nâng cao số lượng và chất lượng các doanh nghiệp KNST của Việt Nam, tăng trưởng nhanh trên thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế.

### 7.3. Các phương án đề xuất để giải quyết vấn đề

7.3.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng, không bổ sung quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp.

7.3.2. Phương án 2: hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng:

- Làm rõ các ưu đãi đối với doanh nghiệp trong các Luật thuế hiện hành để quy định các nội dung cụ thể, khả thi, phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp được hưởng các chính sách thuế đã có trong pháp luật về thuế. Quy định một số hoạt động được ưu đãi để làm cơ sở đề xuất trong các luật thuế, đầu tư, tài chính.

- Hình thành một số chương trình mới hỗ trợ và đồng hành với doanh nghiệp trong hoạt động đổi mới công nghệ. Tăng cường nguồn lực đối ứng từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện. Hoàn thiện quy định về Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) để thực hiện có hiệu quả cơ chế tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay đối với mọi loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp KNST.

- Chính sách lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối, đề tài nghiên cứu sinh và học viên cao học để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;... Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp. Quy định doanh nghiệp được cử nhân lực sang làm việc ở viện nghiên cứu, trường đại học để giới thiệu về kết quả nghiên cứu, hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện kết quả nghiên cứu và tìm hiểu nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện quy định về xử lý tài sản hình thành trước, trong và sau khi kết thúc nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN mà bên tham gia là doanh nghiệp. Bổ sung quy định về giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để hoàn thiện, thương mại hóa.

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho sản phẩm mới; chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường và phát triển. Dịch vụ tư vấn kinh doanh tập trung nâng cao năng lực hấp thụ để áp dụng công nghệ, trong khi dịch vụ đổi mới công nghệ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng công nghệ.

- Bổ sung quy định các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm để thương mại hóa như: hỗ trợ, tài trợ kinh phí cho doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ, tiến tới phát triển công nghệ.



- Bổ sung các chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiên bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

- Thành lập các tổ chức trung gian TLO/TTO tại viện nghiên cứu, trường đại học nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển giao sáng chế, công nghệ từ đơn vị nghiên cứu tới đơn vị ứng dụng là doanh nghiệp.

- Thúc đẩy thành lập doanh nghiệp khởi nguồn (Spin off) từ sáng chế, công nghệ.

- Phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN: các tổ chức đánh giá công nghệ, thẩm định giá công nghệ, hỗ trợ kết nối cung, cầu công nghệ, các trung tâm hỗ trợ chuyển giao công nghệ trong trường đại học. Đầu tư, phát triển sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về công nghệ, bản đồ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động tìm hiểu, hoàn thiện, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

#### 7.4. Đánh giá tác động các phương án đề xuất

7.4.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng, không bổ sung quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp.

##### 7.4.1.a. Tác động kinh tế - xã hội:

##### - Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: không huy động được nguồn kinh phí và nguồn nhân lực từ khu vực doanh nghiệp tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST. Thiếu các công cụ thúc đẩy thương mại hóa và phát triển thị trường KH&CN.

Đối với viện nghiên cứu, trường đại học: các kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ không được ứng dụng, thương mại hóa, không tạo ra nguồn lợi nhuận phục vụ tái đầu tư cho hoạt động nghiên cứu.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp: hạn chế cơ hội tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển, đổi mới, ứng dụng công nghệ phục vụ sản xuất. Không có công cụ hiệu quả thúc đẩy kết nối với viện nghiên cứu, trường đại học để hợp tác hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu để thương mại hóa; thiếu các thể chế trung gian hỗ trợ kết nối cung cầu công nghệ để thúc đẩy thương mại hóa.

##### - Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: phương án không có tác động tích cực đến Nhà nước.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án không có tác động tích cực đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

##### 7.4.1.b. Tác động TTHC: phương án không làm phát sinh TTHC.

##### 7.4.1.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều



kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

7.4.1.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

7.4.1.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật do giữ nguyên các quy định hiện tại.

7.4.1.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

7.4.2. Phương án 2: sửa đổi, bổ sung các nội dung theo phương án quy định tại mục 7.3.2.

7.4.2.a. Tác động kinh tế - xã hội:

Tác động tiêu cực:

Đối với Nhà nước: cần đầu tư thời gian và kinh phí để hoàn thiện chính sách và hướng dẫn doanh nghiệp nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng công nghệ.

Đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học: phương án không có tác động tiêu cực đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học.

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: thu hút được nguồn lực đầu tư ngoài NSNN cho KH, CN & ĐMST.

Đối với doanh nghiệp: thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của doanh nghiệp ở thị trường trong nước và có khả năng tham gia thị trường quốc tế.

7.4.2.b. Tác động TTHC: phương án có TTHC về hỗ trợ doanh nghiệp nhưng đây không phải là TTHC mới phát sinh mà đã có trong các dự án hỗ trợ doanh nghiệp hiện có.

7.4.2.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

7.4.2.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án tạo điều kiện cho người dân tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST, KNST.

7.4.2.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án giúp hoàn thiện hệ thống pháp luật hướng đến thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp, đưa doanh nghiệp trở thành trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia.

7.4.2.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án không làm ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.



### 7.5. Kiến nghị lựa chọn phương án

Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất lựa chọn Phương án 2. Đây là phương án đem lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn, góp phần thúc đẩy hoạt động ứng dụng, đổi mới công nghệ và ĐMST; thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đưa nghiên cứu gắn với thị trường, tạo ra hàng hóa phục vụ xã hội. Đồng thời, kiến nghị Quốc hội thông qua Luật KH&CN (sửa đổi) với các chính sách đề xuất để thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng, đổi mới, phát triển công nghệ và ĐMST trong doanh nghiệp.

## 8. Chính sách 8: Tăng cường phổ biến tri thức khoa học và công nghệ

### 8.1. Xác định vấn đề bất cập:

Nội dung phổ biến kiến thức KH&CN được quy định tại Chương V của Luật KH&CN 2013 cùng với nội dung ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và nằm trong một điều và mang tính nguyên tắc, chủ trương (Điều 48. Truyền thông, phổ biến kiến thức về KH&CN). Do vậy, nội dung truyền thông bó hẹp trong việc quy định nguyên tắc Nhà nước đầu tư, khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư phát triển truyền thông, phổ biến kiến thức KH&CN. Luật quy định trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm, 05 năm về truyền thông, phổ biến kiến thức về KH&CN. Kinh phí tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư vào truyền thông, phổ biến kiến thức về KH&CN được tính vào chi phí hợp lệ.

Các quy định nêu trên mang tính chung, chưa làm rõ các phương thức, cách thức triển truyền thông, phổ biến kiến thức; chưa bao trùm các phương thức truyền thông hiện đại (mạng xã hội), các cơ sở dữ liệu mở phục vụ truyền thông, phổ biến kiến thức về KH, CN & ĐMST.

- Nhà nước chưa quan tâm bố trí đủ nguồn lực cho các chương trình lan tỏa, truyền bá tri thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH&CN; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo;...). Trong khi, đây là các vấn đề thực sự quan trọng, liên quan tới hiệu quả đầu ra và mục tiêu đích đến của hoạt động KH&CN phục vụ cho con người và cuộc sống.

Hiện nay, chưa có cơ chế cụ thể để đưa những thông tin về kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đến với đại đa số dân chúng. Việc sử dụng các thuật ngữ kỹ thuật và chuyên ngành khiến thông điệp khoa học trở nên khó tiếp cận đối với người không được đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực đó. Việc chưa số hóa thông tin về KH&CN, kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN cũng dẫn đến khó khăn trong tiếp cận, khai thác thông tin.

Bên cạnh đó, nội bộ trong giới nghiên cứu cũng tồn tại những hạn chế trong việc chia sẻ thông tin giữa các nhà khoa học, nhóm nghiên cứu và giữa các tổ chức



KH&CN. Mở rộng hơn nữa là việc chia sẻ tri thức cho cộng đồng và doanh nghiệp. Thay vì việc chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu để tạo môi trường khoa học mở phục vụ lan tỏa tri thức hướng đến phát triển bền vững thì các kết quả nghiên cứu đôi khi lại chỉ phục vụ một nhóm người dùng vì mục tiêu lợi ích riêng.

Ngoài ra, hiện nay chưa có những thiết chế để thúc đẩy việc truyền bá, nuôi dưỡng tri thức KH&CN trong giới trẻ, học sinh, sinh viên và người học nghề để họ nắm bắt được những tiến bộ mới, từ đó phát triển năng lực và sự hiểu biết, nuôi dưỡng đam mê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST trong cộng đồng.

#### Hậu quả của bất cập:

##### Đối với Nhà nước:

- Cản trở phát triển kinh tế do thiếu sự lan tỏa về tri thức khoa học dẫn đến chậm trễ ứng dụng công nghệ mới.

- Nền kinh tế của nhà nước sẽ thiếu tính cạnh tranh do mất đi động lực ĐMST.

- Hạn chế trong việc chia sẻ kết quả nghiên cứu khoa học tạo ra rào cản trong nghiên cứu khoa học khiến cho nhà nước gặp khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề quan trọng từ các kết quả nghiên cứu đó.

- Yếu thế tại các diễn đàn về khoa học mở trong các thiết chế đa phương và trên trường quốc tế.

##### Đối với người dân:

- Khó khăn trong việc tiếp cận những tiến bộ khoa học mới, đặc biệt là khi thông tin được trình bày bằng ngôn ngữ chuyên ngành khó hiểu.

- Hạn chế trong việc chia sẻ thông tin trong cộng đồng nghiên cứu có thể tạo ra tình trạng tranh cãi và tin đồn, ảnh hưởng đến sự tin tưởng của người dân vào kiến thức khoa học. Nếu không có sự minh bạch và độ tin cậy trong công bố kết quả nghiên cứu, người dân có thể mất lòng tin vào quy trình cũng như kết quả nghiên cứu khoa học.

- Hạn chế trong việc nuôi dưỡng niềm đam mê khám phá khoa học của giới trẻ nói riêng và của cộng đồng nói chung.

##### Đối với cộng đồng nghiên cứu:

- Các ý tưởng nghiên cứu có thể bị trùng lặp dẫn đến lãng phí nguồn lực.

- Khó khăn trong việc tìm kiếm tư liệu phục vụ hoạt động nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

Đối với doanh nghiệp: giảm khả năng cạnh tranh do hạn chế được tiếp cận với các thành tựu KH&CN mới.

#### Nguyên nhân của vấn đề bất cập:



Luật còn thiếu những quy định cụ thể để việc lan tỏa tri thức thực sự đạt hiệu quả.

### 8.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Thúc đẩy việc lan tỏa tri thức KH&CN, bảo đảm mọi người dân đều được tiếp cận các thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Cung cấp hành trang cho doanh nghiệp cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường quốc tế.

- Thông tin khoa học dễ tiếp cận hơn giúp học sinh, sinh viên và người học nghề nắm bắt được những tiến bộ mới, từ đó phát triển năng lực và sự hiểu biết trong cộng đồng, nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng môi trường khoa học mở phục vụ phát triển bền vững.

### 8.3. Các phương án giải quyết vấn đề

Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng như quy định trong Luật KH&CN 2013, không sửa đổi, bổ sung các quy định còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn về lan tỏa tri thức KH&CN.

Phương án 2: cụ thể hóa các quy định về truyền thông KH&CN để tăng cường hiệu quả truyền bá thông tin KH&CN. Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày KH&CN Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng cao vào đời sống. Đa dạng hóa các kênh thông tin, truyền thông về KH, CN & ĐMST.

Các hoạt động cụ thể:

- Xây dựng cơ chế, biện pháp truyền thông phù hợp, hiệu quả cho tri thức KH&CN, nhất là khoa học thường thức, nhằm giúp cho các nhóm đối tượng khác nhau hiểu rõ về vai trò của KH&CN.

- Có cơ chế chia sẻ tri thức KH&CN, xây dựng chính sách khoa học mở.

- Có các chương trình cụ thể nhằm thúc đẩy nuôi dưỡng đam mê khoa học và ĐMST cho cộng đồng, đặc biệt là người trẻ để lan tỏa tình yêu khoa học, yêu nghiên cứu và khám phá.

- Có cơ chế đầu tư, nhất là xã hội hóa để đầu tư các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các cơ sở giáo dục, nhất là các trường đại học.



#### 8.4. Đánh giá tác động của các giải pháp

8.4.1. Phương án 1: giữ nguyên hiện trạng như quy định trong Luật KH&CN 2013, không sửa đổi, bổ sung các quy định còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn về lan tỏa tri thức KH&CN.

##### 8.4.1.a. Tác động kinh tế - xã hội:

###### Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước: phương án không có tác động tích cực đối với Nhà nước.

Đối với người dân: phương án không có tác động tích cực đối với người dân.

Đối với cộng đồng nghiên cứu: phương án không có tác động tích cực đối với cộng đồng nghiên cứu.

Đối với doanh nghiệp: phương án không có tác động tích cực đối với doanh nghiệp.

###### Tác động tiêu cực:

##### Đối với Nhà nước:

- Tốn nhiều thời gian, nguồn lực để nghiên cứu khi muốn giải quyết các vấn đề quan trọng do không tận dụng được nguồn tri thức trong cộng đồng.

- Khó khăn trong việc tham gia và thực hiện các cam kết quốc tế về khoa học mở.

##### Đối với người dân:

- Tốn nhiều thời gian, công sức nếu muốn tiếp cận với các thông tin và kết quả nghiên cứu khoa học.

- Không được quan tâm nuôi dưỡng đam mê khoa học.

Đối với cộng đồng nghiên cứu: tốn nhiều công sức và nguồn lực trong trường hợp nghiên cứu trùng lặp; khó khăn khi muốn tra cứu thông tin phục vụ hoạt động nghiên cứu.

Đối với doanh nghiệp: giảm khả năng cạnh tranh do hạn chế được tiếp cận với các thành tựu KH&CN mới.

##### 8.4.1.b. Tác động TTHC: phương án không phát sinh TTHC.

8.4.1.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

8.4.1.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

8.4.1.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: phương án không ảnh hưởng đến hệ thống pháp luật.

8.4.1.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.



8.4.2. Phương án 2: cụ thể hóa các quy định về truyền thông KH&CN để tăng cường hiệu quả truyền bá thông tin về hoạt động KH&CN. Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Bổ sung quy định về các chương trình, đề tài nghiên cứu và phát triển phải phổ biến kết quả nghiên cứu sau khi kết thúc và được nghiệm thu.

- Bố trí đủ nguồn lực cho các chương trình truyền bá tri thức, kể cả tri thức hàn lâm và khoa học thường thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH&CN; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo;...).

- Tái cân đối và phân bổ nguồn lực hợp lý cho các chương trình thúc đẩy ứng dụng tri thức và công nghệ trong cuộc sống, truyền bá tri thức trong người dân và xã hội và quan trọng hơn, cần sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách dành cho sự nghiệp KH&CN (ngân sách sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, hợp tác công tư để thu hút nguồn lực từ xã hội) chỉ cho các hoạt động ứng dụng và truyền bá tri thức, vì đây là hoạt động đòi hỏi sự tham gia của doanh nghiệp và các lực lượng khác trong xã hội.

8.4.2.a. Tác động về kinh tế, xã hội:

Tác động tích cực:

Đối với Nhà nước:

- Thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội do tri thức khoa học được lan tỏa, thúc đẩy động lực ĐMST.

- Thuận lợi khi giải quyết các vấn đề quan trọng do tận dụng được nguồn tri thức trong cộng đồng.

- Khẳng định vai trò của quốc gia khi tham gia và thực hiện các cam kết quốc tế về khoa học mở.

Đối với người dân: được tiếp cận, cập nhật thông tin khoa học, kiến thức khoa học, từ đó được khơi dậy, truyền cảm hứng khoa học và ĐMST.

Đối với cộng đồng nghiên cứu:

- Dễ dàng tiếp cận với nguồn tri thức KH&CN, từ đó nâng cao hiệu quả và giá trị của các kết quả nghiên cứu.

- Xác định được các hướng nghiên cứu phù hợp với định hướng phát triển chung của xã hội.

Đối với doanh nghiệp: tăng khả năng cạnh tranh do được kịp thời tiếp cận với các kết quả nghiên cứu và công nghệ mới.

Tác động tiêu cực:



- Nhà nước mất thêm các chi phí thay đổi quy định, cơ chế tổ chức và triển khai. Tuy nhiên, việc triển khai có thể dần được chuyển dịch từ NSNN sang xã hội hóa.

- Vai trò của lan tỏa tri thức chủ yếu là phi lợi nhuận và đối tượng hưởng lợi là toàn dân, qua đó tạo môi trường và điều kiện để triển khai có hiệu quả hơn các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gián tiếp đóng góp cho phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự xã hội. Vì vậy, khó xác định một cách cụ thể lợi ích trực tiếp về kinh tế, xã hội.

8.4.2.b. Tác động TTHC: phương án không làm phát sinh TTHC.

8.4.2.c. Tác động về giới: chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

8.4.2.d. Tác động về quyền cơ bản của công dân: phương án không ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân.

8.4.2.đ. Tác động đối với hệ thống pháp luật: cần nghiên cứu để sửa đổi hệ thống văn bản hướng dẫn Luật để bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật.

8.4.2.e. Tác động đối với sự tương thích với điều ước quốc tế: phương án này không ảnh hưởng đến các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

### 8.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Từ những phân tích nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ kiến nghị lựa chọn Phương án 2 là phương án mang lại nhiều tác động tích cực, đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn quản lý, giúp thu hút đầu tư từ doanh nghiệp, từ xã hội cho KH, CN & ĐMST. Đồng thời, kiến nghị Quốc hội thông qua Luật KH & CN (sửa đổi) với nội dung chính sách về phổ biến tri thức KH & CN như đề xuất tại chính sách 8.

## III. Ý KIẾN THAM VẤN

Quá trình xây dựng dự thảo Báo cáo đánh giá tác động đối với Đề nghị xây dựng Luật KH & CN (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ đã gửi Công văn số 1026/BKH-CN-PC ngày 27/3/2024 xin ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn về hồ sơ Đề nghị xây dựng luật (đề nghị góp ý trước ngày 12/4/2024). Ngày 04/5/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp tục gửi công văn số 1495/BKH-CN-PC đôn đốc góp ý hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật (đề nghị góp ý trước ngày 13/5/2024). Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận văn bản góp ý của 74/120 cơ quan, gồm: 22/24 ý kiến của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương; 7/33 doanh nghiệp, tổ chức hội, hiệp hội, liên đoàn; 45/63 ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, phố trực thuộc Trung ương.

Trong tổng số 74 ý kiến đã nhận được, có 19 ý kiến hoàn toàn nhất trí với hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật KH & CN (sửa đổi). Đồng thời, cũng có nhiều ý kiến góp ý rất cụ thể đã được Bộ Khoa học và Công nghệ nghiêm túc tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ lập Đề nghị xây dựng Luật.



Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức nhiều hội thảo, tọa đàm, trao đổi chính sách với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, doanh nghiệp để làm rõ nội dung, các chính sách đề xuất trong Đề nghị xây dựng Luật; tổ chức làm việc trực tiếp, tham quan một số mô hình triển khai hoạt động KH&CN, tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

#### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

##### **1. Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành**

Việc tổ chức thi hành Luật KH&CN (sửa đổi) liên quan trực tiếp đến các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Do đó trách nhiệm thi hành Luật là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan, trong đó trách nhiệm chính là của Chính phủ với vai trò là cơ quan hành pháp có trách nhiệm tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan giúp Chính phủ tổ chức thi hành Luật KH&CN (sửa đổi).

##### **2. Cơ quan giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách**

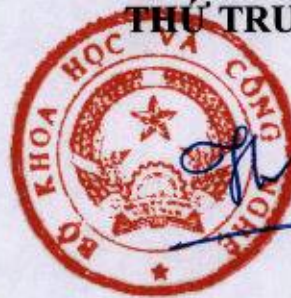
Giám sát, đánh giá việc thực hiện Luật thuộc trách nhiệm của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc triển khai thi hành Luật trong phạm vi địa phương.

Trên đây là nội dung Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Luật KH&CN (sửa đổi), Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Chính phủ./.

##### **Nơi nhận:**

- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP: Vụ Pháp luật;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Thế Duy**